

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TAM KỲ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2022

V/v "*Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con*"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Phi Tiến

+ Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố tam Kỳ: Bà Huỳnh Thị Tùng-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thúy N, sinh năm 1991; trú tại: Thôn 1, xã Phước H, huyện Phước S, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

-Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984; trú tại: Khối phố Hương S, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn năm 2019, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống nên không thể hòa hợp được, nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 05/5/2020, ly hôn bà yêu cầu nuôi con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T:

Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đến bị đơn, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều lần, nhưng không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định; căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 đề nghị xét xử vắng mặt ông T theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về tố tụng:** Bà Võ Thị Thúy N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Nguyễn Ngọc T. Căn cứ quy định Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến ông T, tuy nhiên ông T đều vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T theo luật định.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy N và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2019, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà N cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi mâu thuẫn nên vợ chồng không thể hòa hợp được. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến ông T, nhưng ông T đều vắng mặt và không có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi đến Tòa án để nói rõ quan điểm của mình về yêu cầu ly hôn

của bà N, do đó không có căn cứ để Tòa án xem xét cho vợ chồng đoàn tụ. Hiện tại hai người cũng đã sống ly thân, nay xét mâu thuẫn vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N cương quyết yêu cầu ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật HN&GD năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, bà Võ Thị Thúy N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 05/5/2020, để đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn, cháu S đang ở với mẹ, nên cần tiếp tục giao cháu S cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng; ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu S đủ tuổi trưởng thành, là đúng theo quy định tại các Điều 81, 83, 107 Luật HN&GD năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[2.4] Về án phí: Bà Võ Thị Thúy N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 84 và Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thúy N đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 05/5/2020; giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu) cho đến khi cháu S đủ tuổi trưởng thành, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Võ Thị Thúy N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Ngọc T không nộp khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung như trên, thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí:

- Bà Võ Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009765 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2022); bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
  - VKSND tỉnh, thành phố;
  - Chi cục THA TP;
  - Các đương sự;
  - UBND phường H
- (Số 76 ngày 03/12/2019)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**